

Bản án số: 400/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07-6-2022

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phú Cường.

2. Bà Trần Thị Ngọc Lược.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức - Thư ký Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án thụ lý số: 0858/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/4/2022; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Tấn A, sinh năm 1971 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Cư trú tại: Ấp 1, xã TP, huyện ĐC, Thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

Cư trú tại: 491/52 HB, Phường MB, quận P, TP.HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Trần Tấn A trình bày:

Quan hệ về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Hồng B tự nguyện kết hôn vào năm 2005, được Ủy ban nhân dân Phường MB, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 22 tháng 6 năm 2005. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung

không hạnh phúc do vợ chồng không hòa hợp, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do vậy, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

Quan hệ về nuôi con: Ông và bà B có 03 con chung tên Trần Hồng Phương Đ, sinh ngày 29/02/2000 đã trưởng thành; Trần Hồng Phương D, sinh ngày 24/11/2002 đã trưởng thành và Trần Hồng Phương E, sinh ngày 18/7/2008. Ông đồng ý giao trẻ Trần Hồng Phương E cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con là 5.000.000 đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2022.

Quan hệ về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Hồng B là bị đơn, trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Hội đồng xét xử công bố các tài liệu trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận P, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn ông Trần Tấn A khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng B. Xét đây là tranh chấp phát sinh trong quan hệ hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ kết quả xác minh của Công an Phường MB, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “Nguyễn Thị Hồng B – sinh ngày 14/12/1972, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: 491/52 HB, Phường 13, quận P. Hiện nay, bà B vẫn thực tế cư trú tại địa chỉ trên”.

[1.3] Sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12 tháng 4 năm 2022. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Việc thu thập chứng cứ:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa; giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện và tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo những chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ông A khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

[2] Nội dung:

[2.1] Quan hệ về hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 22 tháng 06 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Phường MB, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Tấn A và bà Nguyễn Thị Hồng B là hợp pháp.

Căn cứ kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường MB, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung “Ông Trần Tấn A và bà Nguyễn Thị Hồng B hiện không còn

chung sống tại 491/52 HB, Phường 13, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Các vấn đề khác về mâu thuẫn gia đình không nắm rõ do không trình báo tại địa phương”.

Xét: Nội dung trình bày của ông A phù hợp với nội dung kết quả xác minh tình trạng hôn nhân và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Mâu thuẫn phát sinh do hai bên bất đồng quan điểm, tính cách, không có sự tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cuộc sống chung không hạnh phúc. Trong suốt quá trình tố tụng bà B không đến tòa để trình bày ý kiến cũng như quan điểm về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và các vấn đề khác. Căn cứ Điều 19, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích cuộc hôn nhân không đạt được nên việc ông A yêu cầu ly hôn với bà B để ổn định cuộc sống là chính đáng, có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Quan hệ về nuôi con:

Căn cứ vào các Giấy khai sinh số 23 ngày 29 tháng 02 năm 2000, số 113 ngày 16 tháng 12 năm 2002 và số 71 ngày 14 tháng 08 năm 2008 cùng của Ủy ban nhân dân Phường MB, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định ông A và bà B có 03 người con chung gồm: Trần Hồng Phương Đ, sinh ngày 29 tháng 02 năm 2000, Trần Hồng Phương D, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2002, Trần Hồng Phương E, sinh ngày 18 tháng 7 năm 2008. Trần Hồng Phương Đ và Trần Hồng Phương D hiện nay đã trưởng thành

Căn cứ bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2022 của ông Trần Tấn A có nội dung ông A đồng ý giao con chung là trẻ Trần Hồng Phương E cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền là 5.000.000 đồng.

Căn cứ bản tự khai ngày 06 tháng 7 năm 2021 của trẻ Trần Hồng Phương E có nội dung hiện nay trẻ đang sống với bà B tại địa chỉ 491/52 HB, Phường 13, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh còn ông A thì đang sống tại Quận 2 (nay là Thành phố Thủ Đức) với bà Xuân và 02 người con riêng của bà Xuân. Trong trường hợp ông A và bà B ly hôn thì trẻ sẽ sống với mẹ.

Xét: Con chung có nguyện vọng được sống cùng bà B và thực tế hiện đang sống cùng bà, vẫn đang phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, vì lợi ích và bảo đảm cho sự phát triển ổn định của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A về việc giao trẻ Trần Hồng Phương E cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông A về việc cấp dưỡng cho con hàng tháng là 5.000.000 đồng, việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2022.

[2.3] Quan hệ về chia tài sản: ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] *Các vấn đề khác:* Ông A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] **Án phí:** Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 600.000 đồng.

[4] **Quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Quan hệ về hôn nhân: Ông Trần Tấn A được ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng B (Giấy chứng nhận kết hôn số 32, ngày 22 tháng 06 năm 2005 của Ủy ban nhân dân Phường MB, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. Quan hệ về nuôi con: Ông Trần Tấn A và bà Nguyễn Thị Hồng B có 03 con chung tên Trần Hồng Phương Đ, sinh ngày 29/02/2000 hiện đã trưởng thành; Trần Hồng Phương D, sinh ngày 24/22/2002 hiện đã trưởng thành và Trần Hồng Phương E, sinh ngày 18/07/2008.

Giao con chung là trẻ Trần Hồng Phương E cho bà Nguyễn Thị Hồng B nuôi dưỡng.

Ông A không trực tiếp nuôi con, tự nguyện cấp dưỡng cho con hàng tháng là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Việc cấp dưỡng cho con được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 7/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày bà B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông A không thi hành hoặc thi hành không đúng nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu tiền lãi phát sinh tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quan hệ về chia tài sản: Ông Trần Tấn A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Các vấn đề khác: Ông Trần Tấn A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Ông Trần Tấn A phải chịu số tiền án phí là 600.000 (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0019422 ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông A còn phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận P;
- CC THADS quận P;
- Ủy Ban Nhân Dân Phường MB,
quận P TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lê Hoàng Yến